

Biểu 1

TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 XÃ NA RÌ (LẦN 2)

(Kèm theo Quyết định số 466/QĐ-UBND ngày 15/5/2026 của Ủy ban nhân dân xã Na Rì)

TT	Nội dung	Kế hoạch đầu tư công năm 2026	Ghi chú
1	2	3	4
	TỔNG SỐ	14.950,00	
1	Vốn xây dựng cơ bản tập trung	2.000,00	
2	Thu tiền sử dụng đất	1.950,00	
3	Nguồn tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của ngân sách năm 2025	10.000,00	
4	Nguồn kinh phí hỗ trợ của Ban vận động cứu trợ tỉnh Thái Nguyên	1.000,00	

Biểu 2

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 XÃ NA RÌ (LẦN 2)

(Kèm theo Quyết định số 466/QĐ-UBND ngày 15/5/2026 của Ủy ban nhân dân xã Na Rì)

TT	Tên dự án đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 19/12/2025					Tên dự án sau điều chỉnh, bổ sung					Ghi chú	
	Tên dự án	QĐ chủ trương đầu tư/ QĐ phê duyệt dự án/QĐ phê duyệt quyết toán/ Tổng mức đầu tư dự kiến			Chủ đầu tư	Tên dự án	QĐ chủ trương đầu tư/ QĐ phê duyệt dự án/QĐ phê duyệt quyết toán/ Tổng mức đầu tư dự kiến			Chủ đầu tư		
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách địa phương			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn			
1	Lập quy hoạch chung xã Na Rì, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2025		706,34	706,34	Phòng Kinh tế	Lập quy hoạch chung đô thị mới Na Rì, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2050		2.800,00		2.800,00	Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường	Điều chỉnh tên dự án và tổng mức đầu tư dự kiến

Biểu 3
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 XÃ NA RÌ (LẦN 2)
(Kèm theo Quyết định số 466/QĐ-UBND ngày 15/5/2026 của Ủy ban nhân dân xã Na Rì)

TT	Tên dự án	Nội dung đã được phê duyệt tại Quyết định số 768/QĐ-UBND ngày 19/12/2025								Sau điều chỉnh, bổ sung								Ghi chú
		Mã QHNS	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch đầu tư công năm 2026		Chủ đầu tư	Mã QHNS	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch đầu tư công năm 2026		Chủ đầu tư	
							Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng							Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	Tổng cộng						1.048,74									1.048,74		
A	Vốn xây dựng cơ bản tập trung						885,49									885,49		
	Các hoạt động kinh tế						885,49									885,49		
I	Giao thông						701,49									701,49		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030						701,49									701,49		
1	Đường liên thôn Giã Dia - Hiệp Lực	8175018	830	292	43	5.000,00	282,00		Văn phòng HĐND-UBND	8175018	821	292	42	5.000,00		282,00	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp	
2	Đường vào khu sản xuất Chang Sọ - Bàn Chang, thôn Khuổi Po	8175019	830	292	43	2.000,00	155,00			8175019	821	292	42	2.000,00		155,00		
3	Đường bê tông Khuổi Kháp - Hát Ngàn	8175021	830	292	43	3.000,00	215,26			8175021	821	292	42	3.000,00		215,26		
4	Đường từ quốc lộ 3B - Mò Lềng, thôn Đồng Tiến	8175020	830	292	43	600,00	49,23			8175020	821	292	42	600,00		49,23		
II	Cấp nước, thoát nước						184,00									184,00		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030						184,00									184,00		
1	Hệ thống rãnh mương thoát nước Đồn Tắm - Bàn Bĩa	8175023	830	311	43	2.000,00	184,00		Văn phòng HĐND-UBND	8175023	821	311	42	2.000,00		184,00	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp	
B	Nguồn thu tiền sử dụng đất						163,25									163,25		
	Các hoạt động kinh tế						163,25									163,25		
I	Giao thông						163,25									163,25		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030						163,25									163,25		
1	Sửa chữa cầu tràn Nà Nôm - Hát Lài, thôn Hợp Thành	8175022	830	292	44	2.200,00	163,25		Văn phòng HĐND-UBND	8175022	821	292	44	2.200,00		163,25	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp	

Biểu 4

BIỂU CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 XÃ NA RÌ (LẦN 2)

(Kèm theo Quyết định số 466/QĐ-UBND ngày 15/5/2026 của Ủy ban nhân dân xã Na Rì)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã Chương	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn	Thời gian khởi công và hoàn thành	QĐ chủ trương đầu tư/ QĐ phê duyệt dự án/ QĐ phê duyệt quyết toán/ Tổng mức đầu tư dự kiến	Kế hoạch vốn đã giao năm 2026					Kế hoạch đầu tư công năm 2026											Chủ đầu tư	Ghi chú	
									Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn xây dựng cơ bản tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của ngân sách năm 2025	Nguồn kinh phí hỗ trợ của Ban vận động cứu trợ tỉnh Thái Nguyên	Tổng	Kế hoạch đầu tư công trước điều chỉnh	Điều chỉnh tăng					Kế hoạch đầu tư công sau điều chỉnh						
																	Vốn xây dựng cơ bản tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của ngân sách năm 2025	Nguồn kinh phí hỗ trợ của Ban vận động cứu trợ tỉnh Thái Nguyên	Tổng	Vốn xây dựng cơ bản tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của ngân sách năm 2025	Nguồn kinh phí hỗ trợ của Ban vận động cứu trợ tỉnh Thái Nguyên			Tổng
1	2	3	4	5	6			7	8	9	10	11	12	13	14=10+11+12+13	15	16	17	18	19	20=16+17+18+19	21	22	23	24	25=21+22+23+24	26	27
	TỔNG SỐ									18.700,00	885,49	163,25	-	-	1.048,74	11.500,00	-	-	2.450,00	1.000,00	3.450,00	2.000,00	1.950,00	10.000,00	1.000,00	14.950,00		
	Các hoạt động kinh tế									18.700,00	885,49	163,25	-	-	1.048,74	11.500,00	-	-	2.450,00	1.000,00	3.450,00	2.000,00	1.950,00	10.000,00	1.000,00	14.950,00		
I	Giao thông									13.900,00	701,49	163,25	-	-	864,74	864,74	-	-	-	58,07	58,07	701,49	163,25	-	58,07	922,81		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030									13.900,00	701,49	163,25	-	-	864,74	864,74	-	-	-	58,07	58,07	701,49	163,25	-	58,07	922,81		
1	Sửa chữa cầu tràn Nà Nôm - Hát Lải, thôn Hợp Thành	Thôn Hợp Thành, xã Na Rì	Phòng GD số 8 - KBNN KV VII	8175022	821	292	44	2026-2027	QĐ số 731/QĐ-UBND ngày 13/12/2025	2.200,00		163,25			163,25	163,25					-	-	163,25	-	-	163,25	TT Dịch vụ TH	Giữ nguyên theo QĐ số 768/QĐ-UBND ngày 19/12/2025
2	Đường liên thôn Giã Dĩa - Hiệp Lực	Thôn Hiệp Lực và Giã Dĩa, xã Na Rì	Phòng GD số 8 - KBNN KV VII	8175018	821	292	42	2026-2027	QĐ số 732/QĐ-UBND ngày 13/12/2025	5.000,00	282,00				282,00	282,00					-	282,00	-	-	-	282,00	TT Dịch vụ TH	Giữ nguyên theo QĐ số 768/QĐ-UBND ngày 19/12/2025
3	Đường vào khu sản xuất Chang Sọ - Bàn Chang, thôn Khuổi Po	Thôn Khuổi Po, xã Na Rì	Phòng GD số 8 - KBNN KV VII	8175019	821	292	42	2026-2027	QĐ số 733/QĐ-UBND ngày 13/12/2025	2.000,00	155,00				155,00	155,00					-	155,00	-	-	-	155,00	TT Dịch vụ TH	
4	Đường bê tông Khuổi Kháp - Hát Ngần	Thôn Trung Thành và Pác Cáp, xã Na Rì	Phòng GD số 8 - KBNN KV VII	8175021	821	292	42	2026-2027	QĐ số 734/QĐ-UBND ngày 13/12/2025	3.000,00	215,26				215,26	215,26					-	215,26	-	-	-	215,26	TT Dịch vụ TH	
5	Đường từ quốc lộ 3B - Mò Lềng, thôn Đồng Tiến	Thôn Đồng Tiến, xã Na Rì	Phòng GD số 8 - KBNN KV VII	8175020	821	292	42	2026-2027	QĐ số 735/QĐ-UBND ngày 13/12/2025	600,00	49,23				49,23	49,23					-	49,23	-	-	-	49,23	TT Dịch vụ TH	
6	Xử lý sạt lở đường Cốc Kham - Phiêng Luông, thôn Hợp Thành, xã Na Rì	Thôn Hợp Thành, xã Na Rì	Phòng GD số 8 - KBNN KV VII	8192869	821	292	43	2026	QĐ số 430/QĐ-UBND ngày 08/5/2026	1.100,00					-					58,07	58,07	-	-	-	58,07	58,07	TT Dịch vụ TH	Giao dự toán chuẩn bị đầu tư
II	Cấp nước, thoát nước									2.000,00	184,00	-	-	-	184,00	184,00	-	-	-	-	-	184,00	-	-	-	184,00		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030									2.000,00	184,00	-	-	-	184,00	184,00	-	-	-	-	-	184,00	-	-	-	184,00		
1	Hệ thống rãnh mương thoát nước Đồn Tắm - Bàn Bĩa	Thôn Yên Lạc, Bàn Bĩa, xã Na Rì	Phòng GD số 8 - KBNN KV VII	8175023	821	311	42	2026 -2027	QĐ số 736/QĐ-UBND ngày 13/12/2025	2.000,00	184,00				184,00	184,00						184,00				184,00	TT Dịch vụ TH	
III	Quy hoạch									2.800,00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
1	Lập quy hoạch chung đô thị mới Na Rì, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2050		Phòng GD số 8 - KBNN KV VII							2.800,00																		Chưa đủ điều kiện phân bổ
IV	Dự chưa phân bổ															10.451,26			2.450,00	941,93	3.391,93	1.114,51	1.786,75	10.000,00	941,93	13.843,19		

Ghi chú: Dự toán nguồn thu tiền sử dụng đất được giao tại Quyết định số 2255/QĐ-UBND ngày 22/12/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc giao dự toán ngân sách nhà nước tỉnh Thái Nguyên năm 2026 là: 2.295,00 triệu đồng

Trong đó:

- Tiết kiệm 5% theo quy định tại Nghị quyết số 245/2025/QH15 của Quốc hội: 115,00 triệu đồng
- Trích 10% cho công tác đo đạc quản lý đất đai: 230,00 triệu đồng
- Chi cho đầu tư: 1.950,00 triệu đồng